

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **139/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-12-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Trường Phát.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

2. Ông Phạm Đức Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Không tham gia.

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Trần Thái D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp TB, xã LM, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Chị **Trịnh Thị A**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp TB, xã LM, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Nguyễn Trần Thái D vắng mặt, chị Trịnh Thị A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai bổ sung, nguyên đơn anh Nguyễn Trần Thái D trình bày: Trên sơ sở tự nguyện, anh và chị Trịnh Thị A tự sống chung và đăng ký kết hôn năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau và cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để sống chung nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Trịnh Thị A.

Về con chung: Anh và chị Trịnh Thị A có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 03/7/2006 và cháu Nguyễn Tuấn C sinh ngày 28/02/2015. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 02 cháu cho chị Trịnh Thị A trực tiếp

nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Trịnh Thị A trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Trần Thái D về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa chị và anh Nguyễn Trần Thái D. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do anh Nguyễn Trần Thái D ham chơi, không quan tâm đến vợ con, anh chị không còn sống chung từ tháng 8/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để sống chung nên chị đồng ý ly hôn anh Nguyễn Trần Thái D.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 03/7/2006 và cháu Nguyễn Tuấn C sinh ngày 28/02/2015; chị không yêu cầu anh Nguyễn Trần Thái D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Trần Thái D khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề con chung với chị Trịnh Thị A, chị Trịnh Thị A có hộ khẩu thường trú tại ấp TB, xã LM, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Trần Thái D khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trịnh Thị A nên anh Nguyễn Trần Thái D là nguyên đơn, chị Trịnh Thị A là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A cung cấp tài liệu chứng cứ là các bản tự khai, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh Nguyễn Trần Thái D cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị Trịnh Thị A thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc. Do anh Nguyễn Trần Thái D ham chơi, không chăm lo cho vợ con. Anh chị không còn sống chung từ tháng 8/2020 đến nay nên chị Trịnh Thị A cũng chấp nhận ly hôn.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án; chị Trịnh Thị A có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không hòa giải được mâu thuẫn của anh chị.

Anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A đều xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chứng tỏ anh chị không có mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, không thể duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận cho anh Nguyễn Trần Thái D được ly hôn với chị Trịnh Thị A là phù hợp.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A có hai người con chung là cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 03/7/2006 và cháu Nguyễn Tuấn C sinh ngày 28/02/2015 hiện đang sống với chị Trịnh Thị A; khi ly hôn, anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A thống nhất giao cả hai con chung cho chị Trịnh Thị A là người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của các cháu là được chung sống với mẹ. Do đó, nên giao con chung cho chị Trịnh Thị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tạm thời chị Trịnh Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Trần Thái D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Trần Thái D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trần Thái D được ly hôn với chị Trịnh Thị A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc B sinh ngày 03/7/2006 và cháu Nguyễn Tuấn C sinh ngày 28/02/2015 cho chị Trịnh Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời chị Trịnh Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Trần Thái D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Trần Thái D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Trần Thái D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005894 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, anh Nguyễn Trần Thái D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trần Thái D và chị Trịnh Thị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã LM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Trường Phát